

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-PT

Ngày: 18-01-2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán:

Ông Nông Hà Nam

Ông Nông Bế Chiến

Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Chinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:***

1. Ông Lý Thanh L. Sinh năm: 1953 (Có mặt).

2. Bà Hoàng Thị O. Sinh năm: 1954 (Có mặt).

Đều trú quán tại: Xóm NG, xã Khâm T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn:*** Luật sư Hoàng Thị L –Trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.(Có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Nông Hữu H, Sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng. Đại diện theo pháp luật ông: Nông Văn B - Chủ tịch UBND huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Xuân T - Phó Trưởng Phòng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Cao Bằng theo giấy ủy quyền số: 63/GUQ-UBND ngày 17/01/2022. (Có mặt).

2. Bà Lý Thị A, sinh năm: 1952.

Trú quán: Tổ dân phố 5, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Lý Thanh L, Hoàng Thị O.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2020; các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa nguyên đơn Ông Lý Thanh L và Hoàng Thị O trình bày như sau:

Về nguồn gốc thửa đất: Năm 1988 gia đình tôi có mua một đám đất của ông Tô Kh để làm nhà và làm vườn, lúc mua có viết giấy chuyển nhượng và được UBND thị trấn huyện T xác nhận, khi mua không đo đạc diện tích cụ thể. Do quá trình chuyển nhà gia đình tôi đã làm thất lạc giấy tờ mua bán chuyển nhượng ban đầu, sau đó gia đình tôi có đến gia đình ông Tô Kh để xác nhận lại việc mua bán đất. Khi mua đất với ông Tô Kh là đất đồi thoai thoai, sau khi mua xong gia đình tôi đã cải tạo san gạt tạo thành mặt bằng và làm nhà cấp 4 vào năm 1994, vị trí đất của gia đình tôi lúc đó thấp hơn phần đất của gia đình ông H, có bờ ta ly, trên bờ ta ly là con đường mòn (*con đường này nay ông H đã chiếm*). Từ chân dốc có cột điện của Điện lực, đi lên phía trên có cây bưởi làm mốc ranh giới. Cây bưởi này ông H đã chặt đi, còn cột điện vẫn còn nguyên trạng. Bờ kè đá phần đất bên ông H vẫn còn nguyên trạng.

Đến năm 1997 gia đình tôi gặp khó khăn về kinh tế, nên đã di cư vào xóm Nà Luộc xây dựng vùng kinh tế mới, có để lại nơi ở cũ một ngôi nhà cấp 4 hai gian cho chị gái Lý Thị A và anh Lý Văn Đ quản lý sử dụng, còn phần đất vườn gia đình tôi vẫn chưa chuyển nhượng nhưng có nhờ anh Đ và chị A trông nom giúp, đến 1998 thì xảy ra mâu thuẫn do gia đình ông H lấn chiếm để sử dụng nên đã xảy ra tranh chấp. Nay chúng tôi yêu cầu ông H trả lại cho chúng tôi diện tích đất mà ông H đã lấn chiếm là 39,2 m².

Tại đơn trình bày ngày 05/5/2020 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa bị đơn Ông Nông Hữu H trình bày:

Về nguồn gốc đất: Năm 1988 tôi làm đơn xin cấp đất để làm nền nhà và vườn nên đã được UBND thị trấn T cũng như các cơ quan có thẩm quyền nhất

trí, có Chủ tịch thị trấn đã ký ngày 20/01/1988 diện tích đất lúc đó là một quả đồi thoai thoải nằm cạnh đường đi Khâm T, Ngọc C cũ, tôi đã khai phá đất để làm nhà làm vườn để tăng gia và ở từ đó đến nay.

Về quá trình sử dụng: Đất của gia đình tôi theo bản đồ năm 1996 thuộc thửa số 97, tờ bản đồ số 05 có diện tích là 662m² đã được nhà nước cấp giấy tờ từ năm 1988, theo bản đồ năm 1996 thì không có con đường dân sinh qua trước cửa nhà tôi, sau đó gia đình tôi tự mở con đường nhỏ để đi lại và cũng có một sổ hộ bên trong đi nhờ, gia đình tôi được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo bản đồ đo đạc năm 2002 thì đất của tôi được thể hiện tại thửa 120 tờ bản đồ số 20 với diện tích là 487m², diện tích nhỏ hơn bản đồ là do lúc kê khai xin cấp giấy chứng nhận gia đình không kê khai con đường vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2017 nhà nước làm đường mới liên xã Khâm T - Phong N qua đất nhà tôi, nhà tôi bị dỡ phần đường sau, đất của tôi bị giải tỏa và thu hồi là 278 m², do đó chỉ còn 209m².

Đối với phần diện tích đất 121m² do gia đình tôi xin cấp thêm là một phần đất công của trụ sở Phòng thi hành án cũ, sau khi làm đường liên xã Khâm T - Phong N xong diện tích đất còn lại nhỏ, hẹp, nhà nước không sử dụng đến, hơn nữa phần đất đó liền kề với đất của tôi nên căn cứ vào đơn xin cấp đất của gia đình, UBND huyện T đã ra quyết định 917 ngày 19/4/2017 giao đất cho gia đình tôi và tôi đã nộp tiền đầy đủ vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên ông L bà O đã làm đơn khởi kiện UBND huyện ra Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, bằng vụ án hành chính. Do còn thiếu thủ tục quyết định hành chính nên UBND huyện T đã ra quyết định hủy bỏ quyết định giao đất số 971 ngày 19/4/2017 của UBND huyện T, đến nay UBND huyện vẫn chưa trả lại tiền cho gia đình tôi. Nay ông L bà O yêu cầu tôi trả lại diện tích đất là 39,2 m² là một phần đất nằm trong diện tích 121m², nhưng đất này vẫn thuộc quyền quản lý của nhà nước, không phải đất của tôi do đó tôi không đem đất nhà nước trả cho ông L bà O được. Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản và sơ đồ thẩm định ngày 15/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T đã xác định được diện tích đất tranh chấp là 39,2m². Tại biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm bà O, ông L xác nhận phần tranh chấp là 39,2m² theo như sơ đồ thẩm định tại chỗ ngày 15/9/2020. Bà O, ông L yêu cầu ông H trả lại diện tích 39,2m².

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi liên quan trình bày:

Ý kiến bà Lý Thị A: Chồng tôi là ông Lý Văn Đ đã chết từ năm 2010, tuy nhiên hiện nay gia đình không còn tìm thấy giấy chứng tử, nên không thể

cung cấp cho Tòa án được. Năm 1997 vợ chồng tôi có quản lý phần đất cho ông L bà O, do gia đình quản lý sử dụng nên gia đình tôi đã nộp thuế đất nhà ở và đất vườn đầy đủ. Tuy nhiên đất vẫn thuộc quyền quản lý của ông L bà O, chỉ có ngôi nhà cấp 4 ông L bà O chuyển nhượng cho vợ chồng tôi, nhưng chưa làm thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do đó vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của ông L bà O. Tôi khẳng định việc UBND huyện và ông H cho rằng đất đó thuộc quyền quản lý sử dụng của Nhà nước là không đúng.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện T trình bày: Căn cứ các tài liệu, sơ đồ quản lý nhà nước về đất đai gồm:

1. Sơ đồ đất năm 1996 diện tích trên nằm trong giấy chứng nhận của ông Nông Hữu H phần đó theo quản lý là do làm đường dân sinh, sau đó ông H đã không kê khai vào diện tích do mình quản lý nên diện tích của ông H từ 662m² giảm xuống còn 487m². Từ thời điểm đó diện tích đất trên là đường dân sinh thuộc nhà nước quản lý.

2. Căn cứ sơ đồ năm 1996 diện tích thửa đất của bà Lý Thị A (Lý Văn Đ) và của bà O và ông L có diện tích là 150,0m². Đến sơ đồ quản lý năm 2002 diện tích của bà A ông Đ có là 204m². Và khi làm đường liên xã nhà nước thu hồi đất của ông H và xét nhu cầu sử dụng của anh H nhà nước đã đo đạc và quyết định giao 121,0m² cho ông Nông Hữu H bằng hình thức giao đất có thu tiền.

Các tài liệu có liên quan đến việc giao đất cho ông Nông Hữu H tại quyết định số 917/QĐ-UBND, ngày 19/4/2017 về việc giao đất ở cho hộ gia đình, các nhân, xác định phần đất được giao là đất công (có phô tô, gửi kèm theo), gồm: Biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất lập ngày 13/3/2017; Biên bản thẩm định thực địa được lập ngày 21/3/2017; Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 20/01/2017; Trích đo chỉnh lý bản đồ, mặt bằng hiện trạng hộ gia đình ông Nông Hữu H. Đến ngày 05/12/2018, Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 4656/QĐ-UBND, về việc hủy bỏ Quyết định số 917/QĐ-UBND, ngày 19/4/2017 về việc giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân, với lý do: Chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tại khoản 3,4 Điều 203, Luật Đất đai năm 2013 và khoản 3, Điều 6, Luật Khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, thời điểm đó do chưa thực hiện đúng luật đất đai và luật khiếu nại nên Ủy ban nhân dân huyện đã ra quyết định thu hồi quyết định giao đất đó, song việc thu hồi quyết định đó không làm thay đổi bản chất đất vẫn thuộc nhà nước quản lý. Do vậy, tôi khẳng định diện tích 39,2m² đang tranh chấp nằm trong thửa 120 tờ bản đồ số 20 là thuộc UBND huyện quản lý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 27/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng đã áp dụng các khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 146, Điều 147 và Điều 155, Điều 156 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 100, khoản 2 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thanh L và bà Hoàng Thị O, trú tại: Xóm NG, xã Khâm T, huyện T, tỉnh Cao Bằng về việc yêu cầu ông Nông Hữu H trả lại cho bà 39,2m² đất.

- Xác nhận số diện tích đất 39,2m² trong thửa đất số 120, tờ bản đồ địa chính số 20, có diện tích 121,0m² thuộc quản lý của Nhà nước.

Vị trí, hiện trạng, số đo và tứ cận, diện tích của thửa đất được thể hiện trên hai sơ đồ sau:

Sơ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp giữa ông Lý Thanh L- bà Hoàng Thị O và ông Nông Hữu H, địa điểm: Tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng xác định vị trí, diện tích tranh chấp là 39,2m².

Sơ đồ trích lục bản đồ địa chính thửa đất số hiệu: 120, tờ bản đồ địa chính: 20 Thị trấn T huyện T tỉnh Cao Bằng của Văn phòng đất đai chi nhánh T ngày 20/01/2017.

(Hai sơ đồ địa chính trên là một phần của bản án không thể tách rời)

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/8/2021 nguyên đơn Lý Thanh L, Hoàng Thị O kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 26/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lý Thanh L, bà Hoàng Thị O cùng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm và trình bày không nhất trí với sơ đồ đo vẽ tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/5/2020 vì không có ngày tháng, không có cán bộ thực hiện việc đo vẽ, không có xác nhận của cơ quan quản lý đất đai. Về nguồn gốc đất là do gia đình mua với ông Tô Kh, sau khi mua gia đình đã cải tạo và làm nhà vào năm

1994, đến năm 1997 thì để cho ông Đ và bà A quản lý giúp, đến năm 1998 thì xảy ra tranh chấp với gia đình ông H.

Bị đơn Nông Hữu H giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nhất trí với bản án sơ thẩm vì thửa diện tích đất tranh chấp hiện là của cơ quan quản Nhà Nước quản lý, đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lý Thị A (là chị ruột của ông Lý Thanh L) giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, không nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện T trình bày: Theo sơ đồ năm 1996 thì thửa đất của ông H là 662m² được thể hiện tại thửa số 97, tờ bản đồ số 05; đến sơ đồ năm 2002 thì đất của ông H được thể hiện tại thửa 120 tờ bản đồ số 20 với diện tích là 487m². Còn đối với phần đất gia đình ông L bà O theo bản đồ năm 1996 thì được thể hiện tại thửa số 96, tờ bản đồ số 05 có diện tích là 150m²; theo sơ đồ năm 2002 thì phần đất do gia đình ông Đ bà A quản lý được thể hiện tại thửa số 58, tờ bản đồ số 20 có diện tích là 204m², đã tăng 54,2m² so với năm 1996. Do đó việc ông L bà O cho rằng phần đất tranh chấp là của ông L bà O là không đúng, UBND huyện khẳng định rõ phần đất tranh chấp này theo sơ đồ năm 2002 là con đường mòn dân sinh, không ai có tài liệu chứng minh đất đó là của cá nhân quản lý nên có đủ căn cứ để khẳng định diện tích 39,2m² đất nằm trong phần đất 121m² do Nhà nước quản lý. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 26/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày ý kiến:

Năm 1986 gia đình ông L mua đất với ông Tô Kh không thể hiện diện tích, sau khi mua đã san gạt, quá trình tranh chấp xảy ra kéo dài không được giải quyết dứt điểm, bản án sơ thẩm cho rằng theo bản đồ năm 2002 có con đường dân sinh, hiện nay ông H vẫn chưa tháo dỡ tài sản trên đất, tại phiên tòa hôm nay bà A vẫn khẳng định đất đó vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của ông L bà O. Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông L bà O.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên

tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đầy đủ căn cứ để khẳng định phần đất tranh chấp 39,2m² là do Nhà nước quản lý. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lý Thanh L, bà Hoàng Thị O, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của nguyên đơn.

Nội dung kháng cáo: Ông L, bà O kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng nguồn gốc đất là do gia đình khai phá, mua và cải tạo đất từ năm 1988, khi đó chưa có gia đình ông H đến quản lý sử dụng và cũng không có con đường giao thông nào đi qua mảnh đất của gia đình ông L, bà O. Năm 1997 ông L, bà O giao nhà và đất cho bà A, ông Đ quản lý để đi xây dựng vùng kinh tế mới, đến năm 1998 ông Nông Hữu H đã lấn chiếm vào phần đất gia đình từ cho đến nay. Ông Lý Thanh L, bà Hoàng Thị O không nhất trí với sơ đồ đo vẽ tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/5/2020 vì sơ đồ đó không có ngày tháng năm thực hiện, không có cán bộ thực hiện việc đo vẽ ký tên, không có xác nhận của cơ quan quản lý đất đai.

Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất của gia đình ông L bà O là do gia đình khai phá, nhận chuyển nhượng vào năm 1988 với ông Tô Kh. Tuy nhiên ông Tô Kh cũng như ông L bà O đều thừa nhận tại giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tô Kh và ông L bà O không ghi diện tích cụ thể là bao nhiêu m², tứ cận tiếp giáp với những thửa nào và mốc giới cụ thể, ngoài ra tại giấy chứng nhận về việc chuyển nhượng đất của người bán là ông Tô Kh không ghi ngày tháng năm đã thể hiện rõ tùy thuộc vào quy hoạch 1996 (*có sự xác nhận của ông Đặng Đức Kh xác nhận vào ngày 25/10/2008*). Như vậy có đủ căn cứ để xác định tại thời điểm năm 1988 thì đất của ông L bà O chưa có diện tích cụ thể. Theo bản đồ đo đạc năm 1996 thì đất do ông L bà O quản lý được xác định là thửa đất số 96, tờ bản đồ số 5 có diện tích là 150m², năm 1997 ông L bà O giao cho ông Đ bà A quản lý sử dụng với diện tích 150,0m². Tại bản đồ đo vẽ năm 2002 phần đất do ông Đ bà A quản lý được thể hiện tại thửa số 58 tờ bản đồ số 20 cũng như diện tích theo giấy báo nộp thuế nhà đất của UBND thị trấn huyện T thì diện tích đất ông Đ bà A nộp thuế lại là 204m². Như vậy phần diện tích đất đã tăng so với bản đồ năm 1996 là 54m².

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất của gia đình ông Nông Hữu H. Năm 1988 ông H làm đơn xin cấp đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Theo bản đồ đo đạc năm 1996 thì thửa đất của ông H là 662m² được thể hiện tại thửa số 97, tờ bản đồ số 05; theo bản đồ năm 2002 thì đất của ông H được thể hiện tại thửa 120 tờ bản đồ số 20 với diện tích là 487m². Đến năm 2002 nhà nước thu hồi làm đường liên xã Khâm T - Phong N đối với diện tích đất của gia đình ông H là 278m², do đó đất của ông H còn lại chỉ là 209m², quá trình nhà nước thu hồi đất đã thu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay ông H không còn bản lưu để cung cấp cho Tòa án. Do gia đình có nhu cầu sử dụng thêm phần diện tích đất cạnh nhà, do nhà nước quản lý nên ông H đã làm đơn xin cấp thêm diện tích đất. Tại Quyết định số 917/QĐ-UBND, ngày 19/4/2017 của UBND huyện T đã giao 121m² đất bằng hình thức có thu tiền sử dụng đất cho ông H, tuy nhiên ông L bà O khởi kiện ra Tòa Hành Chính Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị hủy quyết định số 917, do chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tại khoản 3,4 Điều 203 Luật đất đai 2003 và khoản 3 Điều 6 Luật khiếu nại năm 2011 nên UBND huyện T đã ban hành quyết định số 4656/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 để hủy Quyết định số 917. Ngày 26/11/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 14/2018 đình chỉ vụ án hành chính. Xét thấy việc Ủy ban nhân dân huyện đã ra quyết định thu hồi quyết định giao đất trên không làm thay đổi bản chất diện tích 121m² đất trên vẫn thuộc quyền nhà nước quản lý.

Tại công văn số 05/TN&MT ngày 03/02/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T cho rằng, phần diện tích gia đình ông H xin giao đất là 121,0m² là một phần diện tích đường giao thông cũ. Theo bản đồ đo vẽ năm 1996 phần đất của ông Nông Hữu H được thể hiện tại thửa 97 tờ bản đồ số 05 có diện tích 662m² nằm liền kề thửa đất số 96 tờ bản đồ số 05 do Lý Văn Đ quản lý sử dụng có diện tích 150m², tuy nhiên theo bản đồ đo vẽ năm 2002 diện tích đất ông H sử dụng được thể hiện tại thửa 120 tờ bản đồ 20 có diện tích 487,9m² (*ông H đã không kê khai phần diện tích con đường dân sinh vào diện tích của mình nên đã giảm diện tích từ 662m² xuống 478,2m²*) và có con đường dân sinh làm ranh giới giữa đất hộ ông H và ông Đ, diện tích đất của hộ ông Đ quản lý sử dụng tại thửa số 58, tờ bản đồ số 20 là 204,2m², Phần đất đang tranh chấp 39,2m² là một phần của con đường dân sinh do nhà quản lý.

Ngoài ra, tại biên bản giải quyết đất đai của UBND thị trấn huyện T ngày 28/01/2010, Hội đồng giải quyết tranh chấp đất đai kết luận, phần đất tranh chấp không nằm trong phần đất của gia đình bà O, việc bà O giao cho ông Đ quản lý sử dụng, ông Đ đã sử dụng đúng diện tích theo bản đồ đo vẽ năm 1996, gia đình ông H quản lý sử dụng đúng diện tích theo bản đồ đo đạc năm 1996. Cũng tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 23/3/2010 của UBND huyện T đã kết luận không chấp nhận đơn đòi lại đất của bà Hoàng Thị O vì bà O không có tài liệu giấy tờ, hồ sơ chứng minh nguồn gốc sử dụng đất.

Đối với những người xác nhận trong “*giấy xin xác nhận về nguồn gốc đất đai và người sở hữu*” không đề thời gian, những người này chỉ xác nhận đúng theo đơn trình bày của bà O, tuy nhiên những người này cũng không xác định được ranh giới và diện tích cụ thể thửa đất của bà O. Do đó không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo đối với sơ đồ thẩm định không có ngày tháng và chữ ký xác nhận của cơ quan đo vẽ, cũng như chữ ký của người đo vẽ và yêu cầu thẩm định lại. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo nhất trí với sơ đồ thẩm định và việc cơ quan chuyên môn đã khắc phục và ký xác nhận vào bản đồ vẽ sơ đồ thẩm định và không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của người kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện do đó cần được ghi nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không có tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho nội dung kháng cáo về việc yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của mình, do đó không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của trợ giúp viên pháp lý và người kháng cáo.

Về phần tài sản trên đất nếu có tranh chấp, thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu của đương sự.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý Thanh L, Hoàng Thị O là có căn cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[3] Về chi phí thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Ông L và bà O là người trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên cần được chấp nhận miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lý Thanh L, bà Hoàng Thị O. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 26/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Về án phí: Ông Lý Thanh L và bà Hoàng Thị O được miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm. Bà Hoàng Thị O, ông Lý Thanh L được hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai AA/2018/0002278 ngày 29/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Cao Bằng và tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai 0004028 ngày 09/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Như

